

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 249/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: 215/3 đường T, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Bé H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài V, sinh năm 1979; Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2022.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: 16/2 ấp K, xã M, huyện T, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ: 16/2 ấp K, xã M, huyện T, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 09/12/2022 số tiền là 200.984.169 đồng. Đồng thời ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/12/2022 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số MA20180412/HĐTD (7105LAV201806054) ngày 25/08/2019 đã ký kết với ngân hàng N cho đến ngày trả hết nợ. Thời hạn trả tiền khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Trường hợp ông H và bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số

MA20180412/HĐTC ngày 25/09/2018 gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

+ Diện tích 4.201,7 m², thửa đất số 27, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất: Đất ở 300,0m²; Đất trồng cây lâu năm khác 3.901,7 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ009419, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH06730 do UBND huyện Thạnh Phú cấp ngày 24/09/2010;

- Diện tích 2.992,2m², thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC961941, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10031 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/10/2016;

- Diện tích 2.389,4m², thửa đất số 41, tờ bản đồ số 35, mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC961942, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10030 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/10/2016.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà H1 và ông H có nghĩa vụ liên đới chịu 5.024.604 đồng.

+ Ngân hàng được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.858.00 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007538 ngày 21/10/2022

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung